

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Dự án Quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn  
đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2003/TT-BKH ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ;

Căn cứ Thông tư số 03/2006/TT-BTS ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 519/2002/QĐ-BKH ngày 26 tháng 8 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành khung giá định mức chi phí xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội ngành, lãnh thổ;

Căn cứ Quyết định số 2989/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định phân công, phân cấp giải quyết một số vấn đề trong công tác quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3170/2002/QĐ-UB ngày 06 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch tổng quan phát triển nuôi trồng thủy sản vùng đầm phá, ven biển Thừa Thiên Huế đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 3676/2004/QĐ-UB ngày 25 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đề cương quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 341/SKHĐT-NN ngày 06 tháng 4 năm 2007,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế với những nội dung chủ yếu sau đây:

**1. Tên Quy hoạch:** Quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

**2. Địa điểm thực hiện:** Trên địa bàn 4 xã, Phú An, Phú Xuân, Phú Mỹ và thị

trần Thuận An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3. Đối tượng quy hoạch:** Gồm các loại hình sản xuất thủy sản trên từng tiểu vùng, tuyến luồng tổng hợp: giao thông, thoát lũ, dòng chảy - môi trường, di cư sinh sản thủy sinh; “vùng trồng chức năng” bảo vệ đê và lưu thông nước ven bờ; vùng bảo tồn nghiêm ngặt: bảo vệ bãi cỏ biển, bãi giống, bãi đẻ,...

#### **4. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch:**

##### **a) Quan điểm:**

Quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn phải phù hợp với quy hoạch chung về phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh và quy hoạch ngành thủy sản. Nhiệm vụ trọng tâm là thiết lập lại trật tự quản lý, làm tiền đề phát triển bền vững sản xuất thủy sản để ổn định sinh kế của ngư dân, góp phần sắp xếp phân bố lại dân cư. Thực hiện một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn vùng nghề cá đầm phá trọng điểm huyện Phú Vang.

##### **b) Mục tiêu:**

- Mục tiêu phát triển: Quản lý và phát triển sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn hài hoà, bền vững, bảo đảm sinh kế lâu dài cho cộng đồng ngư dân dựa vào nguồn lợi thủy sinh.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đánh giá một cách đầy đủ về hiện trạng điều kiện tự nhiên, nguồn lợi thủy sản, hiện trạng sản xuất thủy sản cũng như quản lý thủy sản đầm Sam Chuồn. Tình hình kinh tế - xã hội của ngư dân khu vực đầm Sam Chuồn.

+ Dự báo một cách khoa học những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực trong tương lai đến sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn.

+ Xây dựng quy hoạch, kế hoạch thủy sản đầm Sam Chuồn và các giải pháp thực hiện quản lý theo quy hoạch về giao thông thủy nội vùng, đường thoát lũ, thông thoáng luồng lạch: ứng cứu trong lũ lụt, di cư sinh sản các loài thủy sinh, phân vùng sản xuất thủy sản, quản lý thuế, phí sản xuất...

#### **5. Quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn.**

##### **a) Phương hướng chung:**

- *Hợp lý hoá sản xuất và chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, sinh kế:*

+ Hạn chế tối đa nuôi tôm ao đất cả cao triều và hạ triều; áp dụng kỹ thuật nuôi tôm thân thiện với môi trường cho toàn bộ khu vực.

+ Đa dạng hoá đối tượng nuôi trồng thủy sản, đặc biệt có chính sách khuyến khích nuôi trồng rong câu trên mọi loại hình sản xuất như nghề nuôi sinh thái.

+ Nuôi chần sáo chuyển đổi thành nuôi sinh thái theo hai loại hình: quy mô lớn theo kiểu của tổ chức cộng đồng hay công ty, quy mô nhỏ theo kiểu hộ gia đình với không gian tách biệt.

+ Chuyển đổi mở rộng vùng khai thác mở cộng đồng trên cơ sở quản lý tốt, khuyến khích sinh kế bền vững.

- *Tăng cường quản lý:*

+ Quản lý chặt chẽ kế hoạch sản xuất của các đơn vị và hộ gia đình trên toàn bộ thủy vực; chống triệt để nạn khai thác bằng các loại nghề huỷ diệt nguồn lợi thủy sản.

+ Tăng cường năng lực quản lý nói chung, quản lý thủy sản dựa vào cộng

đồng nói riêng; khuyến khích các Hội nghề cá cơ sở hoạt động tích cực, góp phần cùng Nhà nước quản lý thủy sản.

+ Giảm thiểu, hạn chế, khắc phục ô nhiễm môi trường; thực hiện thu phí theo quy định đối với loại hình sản xuất gây ô nhiễm, trước mắt là nuôi tôm.

- *Cải tạo hệ sinh thái:*

+ Bảo vệ bãi cỏ biển và bãi giống, bãi đẻ tự nhiên; tăng cường các vùng cư trú nhân tạo cho thủy sản sinh sản và phát triển.

+ Phát triển các khu vực xử lý nước thải tập trung trước khi thải nước ra đầm phá tự nhiên. Kiểm soát các nguồn ô nhiễm.

+ Tăng cường khả năng lưu thông, trao đổi nước trong toàn bộ đầm Sam Chuồn.

**b) Nội dung quy hoạch:**

- *Các chỉ tiêu phân vùng quy hoạch chi tiết đến năm 2010, phân vùng lý tưởng đến năm 2020:*

**+ Phân vùng quy hoạch chi tiết sản xuất thủy sản đến năm 2010:**

| TT | Loại vùng  | Diện tích (ha) | % Sam Chuồn | % so với hiện tại | Ghi chú     |
|----|--|----------------|-------------|-------------------|-------------|
| 1  | Tuyến giao thông, thoát lũ, dòng chảy - môi trường, di cư thủy sinh...   | 276            | 14,8        | 142,3             | Tăng 82 ha  |
| 2  | Vùng phục hồi khai thác mở truyền thống.                                 | 439            | 23,6        | 1.045,2           | Tăng 397 ha |
| 3  | Vùng phục hồi nuôi trồng thủy sản sinh thái.                             | 95             | 5,1         |                   | Tăng 95 ha  |
| 4  | Vùng phục hồi “vùng trống chức năng” bảo vệ đê và lưu thông nước ven bờ. | 51             | 2,7         |                   | Tăng 51 ha  |
| 5  | Vùng nuôi sinh kế (nuôi đặng chắn và hạ triều lấn phá).                  | 994            | 53,4        | 61,4              | Giảm 625 ha |

**+ Phân vùng quy hoạch lý tưởng hướng đến năm 2020:**

| TT | Loại vùng   | Diện tích (ha) | % Sam Chuồn | % so với hiện tại | Ghi chú              |
|----|---|----------------|-------------|-------------------|----------------------|
| 1  | Vùng bảo tồn nghiêm ngặt: bãi cỏ biển và bãi giống, bãi đẻ tự nhiên | 390            | 20,5        |                   | Mới 100%             |
| 2  | Vùng đê và khai thác hợp lý.  | 1081           | 58,3        | 2.573,8           | Khai thác có quản lý |
| 3  | Vùng phục hồi cây ngập nước, nghề cá giải trí và sinh thái.         | 70             | 3,8         |                   | Mới 100%             |
| 4  | “Vùng trống chức năng” bảo vệ đê và lưu thông nước ven bờ.          | 51             | 2,7         |                   |                      |
| 5  | Vùng trồng rong câu tập trung.                                      | 95             | 5,1         |                   | Phục hồi             |
| 6  | Vùng nuôi sinh kế (nuôi đặng chắn và hạ triều lấn phá).             | 218            | 11,8        | 13,5              |                      |
| 7  | Vùng xử lý nước thải tập trung                                      | 20             | 1,1         |                   | Mới 100%             |

*-Các đề án trọng điểm giai đoạn 2006 - 2010.*

*Phi công trình:*

+ Thông tin, tuyên truyền, công khai quy hoạch đầm Sam Chuồn (gọi tắt là Đề án thông tin).

+ Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp huyện, xã có liên quan đến thủy vực Sam Chuồn (gọi tắt là Đề án năng lực cán bộ).

+ Thiết lập tổ chức, điều chỉnh phù hợp và nâng cao năng lực cho các Chi hội nghề cá dựa trên các tiểu vùng sản xuất đã hoạch định (gọi tắt là Đề án năng lực ngư dân).

*Công trình:*

+ Giải toả “vùng trống chức năng” bảo vệ đê và lưu thông nước ven bờ (gọi tắt là Đề án “0”).

+Thiết lập tuyến luồng thủy từ cống Diên Trường đến trung tâm đầm Sam Chuồn (gọi tắt là Đề án “1”) .

+ Thiết lập tuyến luồng thủy tại ngã ba hành chính trên thủy vực của Phú An - Phú Mỹ - Phú Xuân (gọi tắt là Đề án “3”).

+ Xây dựng 10 “nhà chồ cộng đồng”, làm hệ thống các trạm canh giữ, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản của các Chi hội nghề cá cơ sở tại các tiểu vùng sản xuất khai thác thủy sản mở (gọi tắt là Đề án “10”).

+ Bổ sung 100 trụ mốc bê tông và điều chỉnh hệ thống tiêu luồng hiện có phục vụ cho các tuyến luồng mở (gọi tắt là Đề án “100”).

+ Hỗ trợ 1000 trộ chuôm cho ngư dân ở các vùng phục hồi khai thác thủy sản mở (gọi tắt là Đề án “1000”).(có phụ lục kèm theo)

## **6. Các giải pháp tổ chức thực hiện.**

### ***a) Nhóm giải pháp kỹ thuật - nghiệp vụ:***

- Phân định rõ 4 tiểu vùng sản xuất khai thác thủy sản mở, 11 tiểu vùng sản xuất nuôi trồng thủy sản sinh kế, 2 vùng sản xuất nuôi trồng thủy sản sinh thái. Hai vùng sản xuất nuôi sinh thái mà trọng tâm phục hồi vùng trồng rong câu kết hợp khai thác tự nhiên trên mặt nước lớn sẽ được ưu tiên phục hồi.

- Tổ chức quan hệ sản xuất tập thể thông qua các chủ sử dụng cụ thể trong từng tiểu vùng sản xuất: Chi hội nghề cá (tổ chức xã hội - nghề nghiệp) ở cơ sở hoặc tổ chức kinh tế: công ty, hợp tác xã...

- Nghiên cứu thiết lập khu bảo vệ nghiêm ngặt bãi giống, bãi đẻ, vùng cỏ biển tập trung.

- Nghiên cứu bố trí và thiết kế các khu xử lý nước thải tập trung.

- Nghiên cứu ô nhiễm kim loại nặng, đặc biệt thạch tín (Arsen) tại đầm Sam Chuồn.

- Tính toán về phí ô nhiễm môi trường.

- Phổ biến kỹ thuật nuôi tôm thân thiện với môi trường.

- Phổ biến áp dụng kỹ thuật nuôi đa dạng thủy sản.

- Tổ chức thống kê nghề cá trên cơ sở ranh giới hành chính thủy vực.

- Cơ cấu lại sản xuất thủy sản theo hướng giảm đăng chẵn.

- Thực hiện việc tách các ao vây riêng biệt.

**b) Nhóm giải pháp quy hoạch - quản lý:**

- Hoàn chỉnh các tuyến luồng giao thông, thoát lũ, dòng chảy - môi trường, luồng di cư thủy sinh... ở đầm Sam Chuồn trên cơ sở hệ thống tuyến luồng hiện có.
- Không gia hạn cấp đất, không hợp pháp hoá đối với ao đầm nuôi tôm vùng hạ triều và giải toả ao hồ trái phép, gây hại.
- Giải toả “vùng trồng chức năng” bảo vệ đê và lưu thông nước ven bờ.
- Cấp quyền sử dụng, quản lý sản xuất vùng cho các tổ chức ngư dân.
- Ủy quyền ngăn chặn khai thác huỷ diệt cho Hội nghề cá.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát sản xuất thủy sản.
- Đầu tư xây dựng các khu xử lý nước thải môi trường tập trung quanh đầm Sam Chuồn

**c) Nhóm giải pháp chính sách:**

- Phát huy dân chủ cơ sở để tổ chức đồng quản lý thủy sản: phối hợp chặt chẽ quản lý nhà nước và tự quản lý từ cộng đồng ngư dân sử dụng ngư trường, nguồn lợi, môi trường đầm Sam Chuồn.
- Khuyến khích tập trung hoá ngư trường và sử dụng tập thể; chống chia nhỏ, manh mún vùng sản xuất đầm Sam Chuồn.
- Miễn thuế và hỗ trợ quản lý, chuyển đổi sinh kế ban đầu cho các cá nhân, tổ chức thực hiện sắp xếp theo quy hoạch.
- Thành lập, khuyến khích các Hội nghề cá cơ sở hoạt động; nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý nhà nước ở Sam Chuồn; thực hiện việc thu phí ô nhiễm môi trường.
- Khuyến khích phát triển nghề chuôm, chà rạo nhân tạo; khuyến khích nuôi tái trồng rong câu chỉ vàng; giao vùng mặt nước cho doanh nghiệp, tổ chức phát triển nuôi trồng rong câu.

**7. Kinh phí đầu tư: 5.000 triệu đồng.**

*Trong đó:*

- Giai đoạn 2007 - 2008: 2.500 triệu đồng.
- Giai đoạn 2009 - 2010: 2.500 triệu đồng.

**8. Nguồn vốn:**

- Ngân sách tỉnh và lồng ghép các dự án viện trợ nước ngoài: 2.500 triệu đồng.
- Nhân dân đóng góp : 2.500 triệu đồng.

**9. Thời gian thực hiện: Thời kỳ 2007 - 2010.**

**10. Tổ chức và điều hành thực hiện quy hoạch.**

**a) Thành lập Ban chỉ đạo quy hoạch.**

- *Cấp tỉnh:* Sở Thủy sản tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập ban chỉ đạo quy hoạch phát triển đầm Sam Chuồn cấp tỉnh.

Ban chỉ đạo cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, điều phối các Sở, ngành, địa phương giám sát kiểm tra việc triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ban chỉ đạo tỉnh có thể thành lập thêm tổ công tác giúp việc ban chỉ đạo để tham mưu cho ban chỉ đạo tỉnh triển khai các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- *Cấp huyện*: Thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện gồm Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm trưởng ban; các thành viên ban chỉ đạo là các đơn vị chức năng thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Ban chỉ đạo cấp huyện có trách nhiệm xây dựng quy hoạch và kế hoạch cụ thể của địa phương mình để chỉ đạo, điều hành công tác quy hoạch phát triển sản xuất thủy sản trên phạm vi mặt nước (đầm Sam Chuồn) thuộc quyền quản lý của địa phương.

**b) Điều hành thực hiện quy hoạch:**

- *Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban chỉ đạo cấp tỉnh*:

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn và nghiên cứu đề ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất thủy sản giai đoạn 2006 - 2010.

Ban chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành chung, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy hoạch sản xuất thủy sản đầm Sam Chuồn.

Giao cho Sở Thủy sản là cơ quan thường trực của ban chỉ đạo.

- *Ủy ban nhân dân huyện Phú Vang*:

Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Thủy sản và các ban ngành chức năng để xây dựng và triển khai thực hiện công tác quy hoạch sản xuất thủy sản trên địa phương mình theo quy hoạch đã phê duyệt.

- *Ủy ban nhân dân các xã: Phú An, Phú Xuân, Phú Mỹ và thị trấn Thuận An*:

Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát từng hộ ngư dân trong việc thực hiện quy hoạch phát triển sản xuất thủy sản trên địa bàn.

- *Hội nghề cá tỉnh Thừa Thiên Huế*:

Phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã xúc tiến thành lập các Chi hội nghề cá cơ sở theo các tiêu vùng sản xuất thủy sản đã quy hoạch và có phương án tổ chức thực hiện quy hoạch có hiệu quả.

- *Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất thủy sản*:

Thực hiện đúng các quy định về sản xuất, nuôi trồng thủy sản của Nhà nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Thủy sản, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Vang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã Phú An, Phú Mỹ, Phú Xuân và thị trấn Thuận An và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Thiện**

**Phụ Lục: Các Đề án trọng điểm thực hiện quy hoạch đầm Sam Chuồn đến năm 2010 tỉnh Thừa Thiên Huế**  
(Kèm theo Quyết định số 1068 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Loại           | Đề án (viết tắt) | Mục tiêu tóm lược   | Các hoạt động  | Vốn thực hiện |
|----------------|------------------|---|--|---------------|
| Phi công trình | Thông tin        | Tuyên truyền, quán triệt quy hoạch đầm Sam Chuồn          | Khảo sát, thiết kế, lập kế hoạch, tổng hợp các hình thức thông tin. Thực hiện các buổi mạn đàm về quy hoạch. In ấn, phổ biến thông tin   | 650           |
|                | Năng lực cán bộ  | Cải thiện năng lực cán bộ cấp huyện và xã                 | Thiết kế các khoá tập huấn kỹ năng quản lý: bản đồ kỹ thuật số, định vị vệ tinh...cho cán bộ huyện, xã. Khảo sát, đánh giá nhu cầu trang thiết bị phù hợp để mua sắm phục vụ công tác quản lý  |               |
|                | Năng lực ngư dân | Thiết lập, củng cố hệ thống Chi hội nghề cá cơ sở         | Tuyên truyền, vận động tham gia các Chi hội nghề cá ở cơ sở. Khảo sát, đánh giá vùng ngư trường. Tập huấn các năng lực tổ chức, năng lực giải quyết mâu thuẫn của Chi hội.   |               |
| Công trình     | Đề án "0"        | Thiết lập "vùng trồng chức năng" bảo vệ đê                | Thành lập các nhóm chức năng. Tuyên truyền vận động, khảo sát, thống kê diện tích giải toả, danh sách giải toả, phối hợp cưỡng chế lúc cần thiết. Đền bù, hỗ trợ học nghề chuyển đổi nghề nghiệp   | 4.350         |
|                | Đề án "1"        | Tuyến luồng thủy từ Diên Trường - trung tâm đầm Sam Chuồn | Thành lập các nhóm chức năng. Tuyên truyền vận động, khảo sát, thống kê diện tích giải toả, danh sách giải toả, phối hợp cưỡng chế lúc cần thiết. Đền bù, hỗ trợ học nghề chuyển đổi nghề nghiệp. Đóng mốc giới                            |               |
|                | Đề án "3"        | Tuyến luồng thủy ngã ba Phú An - Phú Mỹ - Phú Xuân        | Thành lập các nhóm chức năng. Tuyên truyền vận động, khảo sát, thống kê diện tích giải toả, danh sách giải toả, phối hợp cưỡng chế lúc cần thiết. Đền bù, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Đóng mốc giới                                     |               |
|                | Đề án "10"       | Xây dựng 10 "nhà chõ cộng đồng" bảo vệ ngư trường         | Xây dựng hệ thống các trạm canh giữ, bảo vệ ngư trường, nguồn lợi thủy sản của các Chi hội nghề cá cơ sở tại các vùng phục hồi khai thác mở. Khảo sát đánh giá nhu cầu để trang bị cho các trạm những công cụ kiểm tra, kiểm soát đơn giản |               |

|  |              |   |  |  |
|--|--------------|---|--|--|
|  | Đề án "100"  | Hỗ trợ 100 triệu mức bê tông định các tuyến luồng Sam Chuồn | Tuyên truyền vận động, thống kê danh sách giải toả, phối hợp cưỡng chế lúc cần thiết. Hỗ trợ chuyên đổi nghề nghiệp. Khảo sát, phóng tuyến, tính toán các mốc giới cắm ở các xã, lập dự toán thiết kế thi công đúc cột và cắm mốc                |  |
|  | Đề án "1000" | Hỗ trợ 1000 triệu chuôm chuyển đổi sinh kế cho ngư dân      | Thành lập các nhóm hoạt động. Xây dựng kế hoạch, định hướng sơ đồ cho các tiểu vùng, lập danh sách chi tiết các hỗ trợ. Định mốc tại thực địa. Bàn giao kinh phí cho tổ chức, cá nhân được hỗ trợ 1000 triệu chuôm. Kiểm tra giám sát thực hiện. |  |